

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2025/DS-ST
Ngày: 11- 4 - 2025
V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Huỳnh Thị Mỹ Lễ;
- Bà Huỳnh Thị Thùy Trâm.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Minh Ngân, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Ông Lê Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2024/TLST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2025/QĐST – DS, ngày 27/02/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2025/QĐST – DS, ngày 25/3/2025 của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (viết tắt Agribank); địa chỉ: 02 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, Thành Phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn Vượng - Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng Thắng - Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Trà Câu, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Đức Phổ, Quảng Ngãi theo giấy ủy quyền số 186/UQ – NHN₀.ĐP, ngày 11/4/2025; địa chỉ: Quốc Lộ 1A, Tổ dân phố Đông Quang, phường Phổ Văn, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1986, chị Đồng Thị Hải M, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ dân phố Bà, phường Ph, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Văn D, sinh năm

1965 và Nguyễn Thị D, sinh năm 1963; cùng địa chỉ: Tổ dân phố B, phường Ph, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

(Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt; bị đơn anh Nguyễn Hữu T, chị Đồng Thị Hải M; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị D vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/01/2024, các văn bản trình bày khác trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam trình bày:

Anh Nguyễn Hữu T và chị Đồng Thị Hải M có vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đức Phổ, Quảng Ngãi số tiền: 490.000.000đồng theo Hợp đồng tín dụng số 4508 – LAV - 202202375 ngày 03/11/2022; mục đích vay là mua lưới khai thác các loại cá; thời hạn vay là 60 tháng.

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đức Phổ Quảng Ngãi đã giải ngân cho anh Nguyễn Hữu T và chị Đồng Thị Hải M nhận đủ số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng nêu trên.

Để đảm bảo cho các khoản vay nêu trên thì anh Nguyễn Hữu T và chị Đồng Thị Hải M đã thế chấp cho Ngân hàng là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất 706, tờ bản đồ số 05, diện tích 540m² tọa lạc tại phường Phổ Quang, thị xã Đức Phổ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 202100023/TC.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng anh Tổ, chị My đã vi phạm điều khoản ký kết (không trả gốc, lãi đúng hạn). Tổng số nợ theo Hợp đồng tín dụng số 4508 – LAV - 202202375 ngày 03/11/2022 tính đến hết ngày 11/4/2025 là: 604.645.548đồng, trong đó: Nợ gốc là 490.000.000đồng, nợ lãi trong hạn là 113.317.534đồng, nợ lãi quá hạn là 1.328.014đồng.

Do đó, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc anh T, chị M phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam tổng số tiền nợ nêu trên và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả xong tất cả các khoản nợ.

Nếu anh T, chị M không trả hoặc trả không đầy đủ các khoản nợ và các khoản lãi, phí phát sinh tại hợp đồng tín dụng nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất 706, tờ bản đồ số 05, diện tích 540m² tọa lạc tại phường Phổ Quang, thị xã Đức Phổ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 202100023/TC, ngày 03/02/2021 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam thì anh T, chị M phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả số nợ còn lại cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

- *Tại văn bản ngày 06/5/2024 bị đơn chị Đồng Thị Hải M trình bày:*

Chị thừa nhận vào năm 2022 vợ chồng chị là Nguyễn Hữu T và Đồng Thị Hải M có vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh Đức Phổ Quảng Ngãi số tiền 490.000.000đ theo Hợp đồng tín dụng số 4508 – LAV - 202202375 ngày 03/11/2022 để mua lưới cụ nhưng do làm ăn không có nên không trả nợ cho ngân hàng đúng thời gian đã thỏa thuận trong hợp đồng. Nay, Ngân hàng khởi kiện, chị thống nhất số tiền còn nợ Ngân hàng và đồng ý trả những xin trả dần. Khi vay, vợ chồng có thể chấp cho ngân hàng quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 706, tờ bản đồ số 05, diện tích 540m² tọa lạc tại phường Phổ Quang, thị xã Đức Phổ và đồng ý nếu không trả nợ cho ngân hàng thì ngân hàng xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông D, bà D nhưng anh T, ông D, bà D không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn và bị đơn chị M đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn anh T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông D, bà D không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Buộc anh Nguyễn Hữu T và chị Đồng Thị Hải M phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tổng số tiền (tính đến hết ngày 11/4/2025) theo Hợp đồng tín dụng số 4508 – LAV - 202202375 ngày 03/11/2022 là: 604.645.548đồng, trong đó: Nợ gốc là 490.000.000đồng, nợ lãi trong hạn là 113.317.534đồng, nợ lãi quá hạn là 1.328.014đồng.

Trường hợp anh Nguyễn Hữu T và chị Đồng Thị Hải M không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, thuộc thửa đất số 706, tờ bản đồ số 05, diện tích 540m² tọa lạc tại phường Phổ Quang, thị xã Đức Phổ (diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CE420305, số vào sổ cấp GCN: CS02062 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 23/11/2016 theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 202100023/TC, ngày 03/02/2021 để thu hồi nợ. Ngoài ra, bị đơn còn phải chịu chi phí tố tụng và án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Hữu T và chị Đồng Thị Hải M thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng tín dụng. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Nguyễn Hữu T và chị Đồng Thị Hải M có nơi cư trú tại tổ dân phố Bàn An, phường Ph, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Bị đơn anh T, chị M, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông D, bà D được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ theo quy định Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Anh Nguyễn Hữu T và chị Đồng Thị Hải M có vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đức Phổ, Quảng Ngãi số tiền: 490.000.000đồng theo Hợp đồng tín dụng số 4508 – LAV - 202202375 ngày 03/11/2022. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đức Phổ, Quảng Ngãi đã giải ngân cho anh T, chị M nhận đủ số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng nêu trên.

Trong quá trình trả nợ vay anh T, chị M không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ vay như đã cam kết tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đức Phổ, Quảng Ngãi. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng anh T, chị M vẫn không thực hiện.

Tính đến hết ngày 11/4/2025 thì anh T, chị M còn nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đức Phổ, Quảng Ngãi tổng số tiền theo Hợp đồng tín dụng 4508 – LAV - 202202375 ngày 03/11/2022 là: 604.645.548đồng, trong đó: Nợ gốc là 490.000.000đồng, nợ lãi trong hạn là 113.317.534đồng, nợ lãi quá hạn là 1.328.014đồng.

Do đó, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam khởi kiện yêu cầu anh T, chị M phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ nêu trên là có căn cứ, phù hợp với những nội dung các bên đã cam kết trong Hợp đồng tín dụng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp và phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Luật các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu về xử lý tài sản thế chấp: Tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 202100023/TC, ngày 03/02/2021 anh T, chị M đã thế chấp quyền

sử dụng đất thuộc thửa đất số 706, tờ bản đồ số 05, diện tích 540m² (đo đạc thực tế là 556m²) tại phường Phổ Quang, thị xã Đức Phổ để bảo đảm cho khoản vay trên.

HĐXX thấy rằng, Hợp đồng thế chấp nêu trên giữa anh T, chị M và Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đức Phổ, Quảng Ngãi đã được công chứng hợp pháp và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật nên đã phát sinh hiệu lực tại thời điểm đăng ký. Mặc dù, theo Hợp đồng thế chấp nêu trên không thể hiện anh T, chị M thế chấp tài sản gắn liền với đất (vì tài sản gắn liền với đất chưa có chứng nhận sở hữu) nhưng do tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của anh T, chị M. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 325 của Bộ luật dân sự năm 2015 có căn cứ chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chỉ yêu cầu Tòa án xem xét xử lý đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo diện tích đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, trường hợp anh T, chị M không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, thửa đất số 706, tờ bản đồ số 05, diện tích 540m² (diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CE420305, sổ vào sổ cấp GCN: CS02062 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 23/11/2016; đăng ký biến động tặng cho anh Nguyễn Hữu T và chị Đồng Thị Tố M theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 202100023/TC, ngày 03/02/2021 để thu hồi nợ.

[3] Về chi phí tố tụng: Anh T, chị M phải chịu 6.500.000đồng (gồm: 1.500.000đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và 5.000.000đồng chi phí đo đạc). Nguyên đơn Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam đã nộp 6.500.000đồng tạm ứng chi phí tố tụng và đã chi xong nên anh T, chị M phải có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh Đức Phổ Quảng Ngãi số tiền 6.500.000đồng.

[4] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; cụ thể: 20.000.000đồng + (204.645.548 đồng x 4%) = 28.185.821đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

các Điều 317, 318, 319, 320, 323, 325, 299, 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 100 và 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Buộc anh Nguyễn Hữu T và chị Đồng Thị Hải M phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tổng số tiền (tính đến hết ngày 11/4/2025) theo Hợp đồng tín dụng 4508 – LAV - 202202375 ngày 03/11/2022 là: 604.645.548 đồng (*Sáu trăm lẻ bốn triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm bốn mươi tám đồng*), trong đó: Nợ gốc là 490.000.000 đồng (*Bốn trăm chín mươi triệu đồng*), nợ lãi trong hạn là 113.317.534 đồng (*Một trăm mười ba triệu ba trăm mười bảy nghìn năm trăm ba mươi bốn đồng*), nợ lãi quá hạn là 1.328.014 đồng (*Một triệu ba trăm hai mươi tám nghìn không trăm mười bốn đồng*).

2. Kể từ ngày 12/4/2025 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng 4508 – LAV - 202202375 ngày 03/11/2022.

3. Trường hợp anh T, chị M không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, thuộc thửa đất số 706, tờ bản đồ số 05, diện tích 540m² (diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CE420305, số vào sổ cấp GCN: CS02062 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 23/11/2016; đăng ký biến động tặng cho anh Nguyễn Hữu T và chị Đồng Thị Tố M theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 202100023/TC, ngày 03/02/2021 để thu hồi nợ.

4. Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì anh Tố, chị My phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam theo hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Nếu còn thừa thì trả lại cho bên thế chấp, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

5. Về chi phí tố tụng: Anh T, chị M phải chịu 6.500.000 đồng (*Sáu triệu năm trăm nghìn đồng*) chi phí tố tụng. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam đã nộp 6.500.000 đồng tạm ứng chi phí tố tụng và đã chi xong nên anh T, chị M phải có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 6.500.000 đồng (*Sáu triệu năm trăm nghìn đồng*).

6. Về án phí: Anh Nguyễn Hữu T, chị Đồng Thị Hải M phải chịu 28.185.821 đồng (làm tròn 28.185.000 đồng) (*Hai mươi tám triệu, một trăm tám mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 13.185.000 đồng (*Mười ba triệu, một trăm tám mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001751 ngày 01/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

7. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

8. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi Cục THADS thị xã Đức Phổ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bích Vân

Thành viên Hội đồng xét xử:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: